

VIỆN KHOA HỌC LÂM NGHIỆP VIỆT NAM  
VĂN PHÒNG CHỨNG CHỈ QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

THUYẾT MINH

DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA  
QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG – YÊU CẦU CHUNG  
(Dự thảo lấy ý kiến rộng rãi)

HÀ NỘI - 2025

# THUYẾT MINH DỰ THẢO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

## “Quản lý rừng bền vững – Yêu cầu chung”

### I. THÔNG TIN CHUNG

Tổ chức chủ trì biên soạn: Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Thời gian xây dựng: 24 tháng, từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 12 năm 2025.

### II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG

#### II.1 Tóm tắt tình hình đối tượng

##### a) Ngoài nước

Trên thế giới hiện có 2 hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế cấp chứng chỉ Quản lý rừng bền vững (QLRBV) và Chuỗi hành trình sản phẩm (CoC). Đó là Hội đồng Quản trị rừng (FSC) và Tổ chức Chứng nhận Chứng chỉ rừng (PEFC). Cả hai tổ chức này đều là tổ chức phi chính phủ quốc tế, phi lợi nhuận đang hoạt động rộng rãi trên phạm vi toàn cầu.

FSC được thành lập năm 1993, hoạt động dựa trên hội đồng chứng chỉ và các thành viên (là các tổ chức, cá nhân tự nguyện tham gia). FSC xây dựng tiêu chuẩn QLRBV và thông qua tổ chức chứng nhận quốc tế ASI cấp phép cho các tổ chức cấp chứng chỉ (CB) để đánh giá cấp chứng chỉ rừng (CCR). Việc đánh giá, cấp chứng chỉ tuân theo quy định của FSC, các quốc gia hầu như không có vai trò gì trong quá trình đánh giá và cấp CCR. Tổng diện tích rừng hiện nay được cấp chứng chỉ QLRBV theo FSC ở toàn thế giới là khoảng 161 triệu ha.

PEFC được thành lập năm 1999 bởi các chủ rừng ở Châu Âu. PEFC hoạt động dựa trên việc công nhận và chứng thực cho hệ thống CCR của các quốc gia thành viên. Đến nay đã có 56 quốc gia thành viên, trong đó 51 quốc gia đã có hệ thống CCR rừng quốc gia và được PEFC công nhận. Ở Châu Á, có 9 nước đang vận hành hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia gồm: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn độ, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Myanmar, Việt Nam. Tổng diện tích rừng hiện nay được cấp chứng chỉ QLRBV theo PEFC trên toàn cầu là trên 297 triệu ha.

Khác biệt cơ bản về cấu trúc của hai hệ thống này là hệ thống CCR PEFC dựa trên Cơ quan CCR do quốc gia thành lập, Tổ chức công nhận quốc gia (ở Việt Nam là Văn phòng công nhận chất lượng- BoA thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, là thành viên của Tổ chức công nhận chất quốc tế - IAF). Ngược lại, FSC dựa trên Tổ chức công nhận quốc tế

---

<sup>1</sup> - Thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn là tài liệu kèm theo dự thảo tiêu chuẩn và được gửi lấy ý kiến cùng với dự thảo tiêu chuẩn.

- Mỗi lần soạn thảo và gửi lấy ý kiến lại, phải có bản thuyết minh kèm theo trình bày nội dung tiếp thu hoặc xử lý các ý kiến góp ý và thuyết minh sự khác biệt so với dự thảo lần trước.

(ASI) và không dựa trên Tổ chức công nhận quốc gia và Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia.

Trong hệ thống chứng chỉ rừng theo PEFC, các hệ thống CCR quốc gia phải xây dựng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững phù hợp với điều kiện của quốc gia nhưng phải đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của PEFC. Bộ tiêu chuẩn của PEFC được rà soát, cập nhật 5 năm một lần. Bộ tiêu chuẩn hiện tại của PEFC về quản lý rừng bền vững là PEFC ST 1003:2024 – Sustainable Forest Management – Requirements (Quản lý rừng bền vững - các yêu cầu) được sửa đổi từ phiên bản PEFC ST 1003:2018. Bộ tiêu chuẩn này chia làm 10 phần như sau: (1) Phạm vi; (2) Tài liệu viện dẫn; (3) Thuật ngữ và định nghĩa; (4) Bối cảnh tiêu chuẩn quốc gia và tổ chức áp dụng chứng thực PEFC; (5) Lãnh đạo; (6) Lập kế hoạch; (7) Hỗ trợ; (8) Vận hành; (9) Thực hiện và đánh giá; và (10) Cải thiện chất lượng. Ngoài ra còn bao gồm 2 phụ lục: Phụ lục 1 áp dụng cho rừng trồng và phụ lục 2 áp dụng cho cây ngoài rừng (PEFC 2018). Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2024 đã tích hợp các yêu cầu để đáp ứng Quy định mới của Liên minh Châu Âu về sản xuất không gây mất rừng (EUDR).

Đối với FSC, ban hành bộ tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững quốc tế chung là FSC-STD-60-004 V2-1 (2023). Cấu trúc bộ tiêu chuẩn gồm các phần: A) Mục tiêu; B) Phạm vi; C) Ngày hiệu lực; D) Tài liệu viện dẫn; E) Lời tựa (mô tả quá trình phát triển tiêu chuẩn và các thông tin liên quan); F) Tiêu chuẩn quốc tế; và G) Ký hiệu và viết tắt. Tiêu chuẩn bao gồm 10 nguyên tắc (FSC 2023):

- Nguyên tắc 1: Tuân thủ pháp luật
- Nguyên tắc 2: Các quyền của người lao động và điều kiện làm việc
- Nguyên tắc 3: Các quyền của người bản địa
- Nguyên tắc 4: Quan hệ cộng đồng
- Nguyên tắc 5: Các lợi ích từ rừng
- Nguyên tắc 6: Các giá trị và tác động môi trường
- Nguyên tắc 7: Lập kế hoạch quản lý
- Nguyên tắc 8: Giám sát và đánh giá
- Nguyên tắc 9: Các giá trị bảo tồn cao, và
- Nguyên tắc 10: Thực hiện các hoạt động quản lý

Dựa trên bộ tiêu chuẩn chung này, các tổ chức chứng nhận hoặc FSC sẽ xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá cho từng quốc gia.

Cả hai bộ tiêu chuẩn này được thể hiện theo cấu trúc khác nhau nhưng đều xoay quanh 3 vấn đề chính là kinh tế, xã hội và môi trường trong đánh giá, chứng nhận rừng được quản lý bền vững hay không.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, Nghị viện Châu Âu và Ủy ban Châu Âu (EC) đã thông qua Quy định về việc xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa không gây mất rừng và suy thoái rừng (sau đây gọi tắt là EUDR). Quy định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 6 năm 2023, với ngày áp dụng là sau 18 tháng (ngày 30 tháng 12 năm 2024) đối với các doanh nghiệp lớn và sau 24 tháng (ngày 30 tháng 6 năm 2025) đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ đưa sản phẩm vào thị trường EU. EUDR cấm nhập khẩu hoặc xuất khẩu các sản phẩm và hàng hóa gây ra tình trạng phá rừng, suy thoái rừng và không tuân thủ luật pháp của quốc gia khai thác và xuất khẩu. EUDR áp dụng cho 7 mặt hàng bao gồm: gia súc, ca cao, cà phê, dầu cọ, cao su, đậu nành và gỗ<sup>2</sup>. Tuy nhiên, việc thực hiện quy định này được hoãn lại 1 năm, nghĩa là sẽ áp dụng từ tháng 12 năm 2025. EUDR quy định các nội dung sau: (i) Phạm vi sản phẩm; (ii) Sản phẩm đưa vào thị trường EU không được gây mất rừng và suy thoái rừng sau ngày 31/12/2020; (iii) Tuân thủ luật pháp nước sản xuất nơi sản xuất, cung ứng các sản phẩm quy định; và (iv) Thực hiện trách nhiệm giải trình. Dưới đây mô tả các yêu cầu cho tiết theo quy định của EUDR.

#### **b) Trong nước**

Khái niệm QLRBV được du nhập vào Việt Nam từ những năm cuối thập kỷ 90 với Hội thảo quốc gia đầu tiên về QLRBV được tổ chức tháng 2/1998 tại thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp đó, Tổ công tác quốc gia về QLRBV và CCR được Bộ NN&PTNT thành lập vào năm 2000. Tổ đã xây dựng bộ tiêu chuẩn QLRBV của Việt Nam dựa trên cơ sở bộ tiêu chuẩn của FSC, đến năm 2006 đã hoàn thành phiên bản 9c với 10 nguyên tắc, 156 tiêu chí và 143 chỉ số và sau này được ban hành theo Thông tư 38/2014/TT-BNNPTNT.

Đến năm 2017, lần đầu tiên, QLRBV và chứng chỉ rừng được luật hóa tại Điều 27 và Điều 28 của Luật Lâm nghiệp. Năm 2018, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT quy định về QLRBV, trong đó có Phụ lục I Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam với 7 nguyên tắc, 34 tiêu chí và 122 chỉ số. Đây là yêu cầu mang tính pháp lý đầu tiên về quản lý rừng bền vững được ban hành và cụ thể hóa. Năm 2023, Bộ NN&PTNT đã ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT, trong đó Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam được điều chỉnh với 7 nguyên tắc, **36** tiêu chí và **139** chỉ số.

Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS) được xây dựng theo Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ dựa trên Hệ thống chứng chỉ của PEFC. VFCS được Tổ chức chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC) kết nạp là thành viên của PEFC vào tháng 8/2019, là thành viên thứ 50 của PEFC và toàn bộ VFCS được công nhận vào tháng 10/2020. VFCS vận hành dựa trên các tổ chức sau: (1) Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (VFCO) – Tổ chức thực hiện VFCS; (2) Văn phòng Công nhận chất lượng (BoA) – Tổ chức công nhận năng lực và hệ thống quản lý của các tổ chức chứng nhận; và (3) Các tổ chức chứng nhận (CBs) – là tổ chức đủ điều

---

<sup>2</sup> Regulation - 2023/1115 - EN - EUR-Lex

kiện cung ứng dịch vụ chứng chỉ rừng theo VFCS.

Tháng 9/2019, Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS) đã ban hành bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững với mã tài liệu: VFCS/PEFC ST 1003:2019 Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (với 7 nguyên tắc, 34 tiêu chí và 122 chỉ số tại Phụ lục I Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT). Bộ tiêu chuẩn này được PEFC đánh giá và chứng thực cùng với Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia VFCS. Bảy nguyên tắc trong bộ tiêu chuẩn này là (VFCS 2019):

- Nguyên tắc 1. Chủ rừng tuân thủ các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia (4 tiêu chí, 13 chỉ số);
- Nguyên tắc 2. Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương (4 tiêu chí, 14 chỉ số);
- Nguyên tắc 3. Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động (4 tiêu chí, 14 chỉ số);
- Nguyên tắc 4. Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng bền vững (8 tiêu chí, 28 chỉ số);
- Nguyên tắc 5. Quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp (4 tiêu chí, 16 chỉ số);
- Nguyên tắc 6. Duy trì, bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học (6 tiêu chí, 25 chỉ số);
- Nguyên tắc 7. Rừng được theo dõi, giám sát, đánh giá theo phương án quản lý rừng bền vững (3 tiêu chí, 13 chỉ số);

Tính đến tháng 12 năm 2024, có 4 tổ chức chứng nhận đủ điều kiện tham gia cung ứng dịch vụ chứng chỉ QLRBV theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Các tổ chức này (GFA, SGS, BV và Vinacontrol) áp dụng bộ tiêu chuẩn QLRBV trong các hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ QLRBV và đã có khoảng hơn 213.000 ha rừng của 36 chủ rừng, nhóm chủ rừng được cấp chứng chỉ QLRBV (VFCO, 3/2025). Hiện nay Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam đã được Bộ NN&PTNT bổ sung, cập nhật để đảm bảo sát với bối cảnh thị trường và các yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên tiêu chuẩn này chưa được ban hành dưới dạng Tiêu chuẩn quốc gia mà chỉ được ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về quản lý rừng bền vững và dưới dạng tiêu chuẩn của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Việc đánh giá năng lực và giám sát các tổ chức chứng nhận thực hiện Bộ tiêu chuẩn này do BoA thực hiện.

FSC cũng xây dựng và ban hành riêng bộ tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững để cấp chứng chỉ rừng ở Việt Nam từ năm 2018 với mã tiêu chuẩn: FSC—STD-VN-01-2018, được xây dựng trên cơ sở bộ tiêu chuẩn quốc tế của FSC: FSC-STD-60-004 - International Generic Indicators (FSC 2018). Bộ tiêu chuẩn này gồm 10 nguyên tắc, 70 tiêu chí và 206 chỉ số. Bộ tiêu chuẩn này được các tổ chức chứng nhận do FSC chỉ định (GFA, SGS, BV, SA,...) sử dụng để đánh giá cấp chứng chỉ cho khoảng 447 nghìn ha rừng ở Việt Nam

(FSC, 3/2025). Việc đánh giá năng lực và giám sát các tổ chức chứng nhận thực hiện Bộ tiêu chuẩn này do Tổ chức Assurance Services International (ASI) thực hiện. Mười nguyên tắc của bộ tiêu chuẩn này là:

- Nguyên tắc 1: Tuân thủ pháp luật (8 nguyên tắc, 24 chỉ số);
- Nguyên tắc 2: Các quyền của người lao động và điều kiện làm việc (6 nguyên tắc, 28 chỉ số);
- Nguyên tắc 3: Các quyền của người bản địa (6 nguyên tắc, 16 chỉ số);
- Nguyên tắc 4: Quan hệ cộng đồng (8 nguyên tắc, 22 chỉ số);
- Nguyên tắc 5: Các lợi ích từ rừng (5 nguyên tắc, 13 chỉ số);
- Nguyên tắc 6: Các giá trị và tác động môi trường (10 nguyên tắc, 29 chỉ số)
- Nguyên tắc 7: Lập kế hoạch quản lý (6 nguyên tắc, 13 chỉ số)
- Nguyên tắc 8: Giám sát và đánh giá (5 nguyên tắc, 10 chỉ số)
- Nguyên tắc 9: Các giá trị bảo tồn cao (4 nguyên tắc, 12 chỉ số)
- Nguyên tắc 10: Thực hiện các hoạt động quản lý (12 nguyên tắc, 39 chỉ số)

Mặc dù các bộ tiêu chuẩn theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia VFCS/PEFC và FSC có cách trình bày, số lượng nguyên tắc, tiêu chí, chỉ số khác nhau song đều tập trung vào 5 vấn đề chính là:

- i) Tuân thủ các quy định của pháp luật
- ii) Bền vững về kinh tế
- iii) Bền vững về xã hội
- iv) Bền vững về môi trường
- v) Giám sát, đánh giá

Các tiêu chuẩn này được áp dụng tự nguyện để đánh giá cấp chứng chỉ QLRBV theo quy định tại Điều 28 của Luật Lâm nghiệp năm 2017. Theo đó, chứng chỉ QLRBV được cấp cho chủ rừng theo nguyên tắc tự nguyện; Chủ rừng được cấp chứng chỉ QLRBV trong nước hoặc quốc tế khi có phương án QLRBV và đáp ứng các tiêu chí QLRBV; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí QLRBV. Khoản 3 Điều 34 Nghị định 156/2018/NĐ-CP Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp nêu việc cấp chứng chỉ QLRBV theo tiêu chuẩn QLRBV được quốc tế công nhận hoặc Bộ tiêu chí QLRBV do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Luật Lâm nghiệp.

Đối với các tổ chức đánh giá cấp chứng chỉ QLRBV, Khoản 3 Điều 28 Luật lâm nghiệp quy định tổ chức hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ QLRBV tại Việt Nam phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Điều 34 Nghị định 156/2018/NĐ-CP quy định hoạt động cấp chứng chỉ QLRBV là hoạt động kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp thuộc danh mục đầu tư, kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và việc công nhận, đăng ký hoạt động của tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ QLRBV thực hiện

theo quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp của Chính phủ. Cụ thể, Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT quy định chứng chỉ QLRBV tại Việt Nam gồm 3 loại: (i) Chứng chỉ QLRBV do Việt Nam cấp; (ii) Chứng chỉ QLRBV do tổ chức quốc tế cấp; và (iii) Chứng chỉ QLRBV do Việt Nam hợp tác với quốc tế cấp. Hoạt động của tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ QLRBV thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

## II.2 Lý do và mục đích xây dựng

QLRBV và CCR là một trong những mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, với mục tiêu cả nước có 0,5 triệu và 1 triệu ha diện tích rừng có chứng chỉ QLRBV vào các năm 2025 và 2030. Để thúc đẩy việc thực hiện QLRBV và CCR, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Theo đó, việc xây dựng bộ tiêu chuẩn QLRBV của Việt Nam phù hợp với tiêu chuẩn của các tổ chức chứng chỉ rừng quốc tế là một yêu cầu khách quan, cấp thiết.

Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS) được thành lập và đã được Tổ chức chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC) công nhận vào năm 2020. Bộ tiêu chí QLRBV của Việt Nam đã được xây dựng và ban hành theo Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT. Bộ tiêu chuẩn QLRBV của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS ST 1003:2019) cũng được xây dựng và ban hành năm 2019 và được PEFC công nhận phù hợp với bộ tiêu chuẩn QLRBV - các yêu cầu chung của PEFC vào năm 2020. Đây là bộ tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng cho các tổ chức, cá nhân tham gia Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Nghị định 107/2016/NĐ-CP thì tổ chức đánh giá chứng nhận dịch vụ sản phẩm, hệ thống quản lý (áp dụng cho chứng nhận quản lý rừng bền vững) phải: (i) có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong “Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065:2013 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065:2012 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với chứng nhận chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Tổ chức Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa”; và (ii) **Tiêu chuẩn dùng để chứng nhận hợp chuẩn là tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực hoặc tiêu chuẩn nước ngoài.** Hiện tại bộ tiêu chuẩn QLRBV của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được ban hành tại Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT và được Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững (VFCO) ban hành với mã tiêu chuẩn: VFCS/PEFC ST 1003:2019. Tuy nhiên Bộ tiêu chuẩn này chưa phải là tiêu chuẩn quốc gia.

Để chuẩn hóa và đồng bộ tiêu chuẩn về QLRBV, đáp ứng các yêu cầu quy định tại Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (2006), Nghị định số 107/2016/NĐ-CP liên quan đến hoạt động đánh giá sự phù hợp trong Hệ thống chứng chỉ rừng Quốc gia tại Việt Nam; các yêu cầu của Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2024 và yêu cầu của thị trường (EUDR), việc

đề xuất và xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về quản lý rừng bền vững – yêu cầu chung là rất cần thiết.

- Tiêu chuẩn đáp ứng những mục tiêu sau đây:

|                                  |                                     |                                                                                                                                                                      |                                     |
|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| + Thông tin, thông hiểu          | <input checked="" type="checkbox"/> | + Tiết kiệm                                                                                                                                                          | <input type="checkbox"/>            |
| + An toàn sức khỏe môi trường    | <input type="checkbox"/>            | + Giảm chủng loại                                                                                                                                                    | <input type="checkbox"/>            |
| + Đối lẫn                        | <input type="checkbox"/>            | + Các mục đích khác (ghi dưới)<br><i>Căn cứ để cấp phép hoạt động<br/>đánh giá cấp chứng chỉ QLRBV<br/>và thực hiện đánh giá cấp chứng<br/>chỉ QLRBV ở Việt Nam.</i> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + Chức năng công dụng chất lượng | <input type="checkbox"/>            |                                                                                                                                                                      |                                     |

Tiêu chuẩn có dùng để chứng nhận không? ☒ Có ☐ Không

Tiêu chuẩn có liên quan đến yêu cầu phát triển KTXH của Nhà nước không?

☒ Có ☐ Không

Yêu cầu hài hoà tiêu chuẩn (quốc tế và khu vực): ☒ Có ☐ Không

### III. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN

#### 1. Nội dung chính của tiêu chuẩn:

Tiêu chuẩn gồm các nội dung chính như sau:

Lời nói đầu

Lời giới thiệu

1. Phạm vi áp dụng
2. Thuật ngữ và định nghĩa
3. Nguyên tắc áp dụng
4. Yêu cầu đối với quản lý rừng bền vững
  - 4.1 Tuân thủ các quy định pháp luật và các điều ước, hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia
  - 4.2 Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương
  - 4.3 Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động
  - 4.4 Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng
  - 4.5 Quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp
  - 4.6 Duy trì, bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học
  - 4.7 Giám sát, đánh giá thực hiện phương án quản lý rừng bền vững
5. Yêu cầu đối với cây ngoài rừng

Phụ lục A (quy định) Diễn giải yêu cầu đối với cây ngoài rừng

Thư mục tài liệu tham khảo

#### 2. Giải thích những quy định trong tiêu chuẩn

##### 2.1 Danh mục các tài liệu làm căn cứ xây dựng tiêu chuẩn

### ***Tài liệu chính làm căn cứ xây dựng TCVN***

- Tiêu chuẩn quốc tế PEFC ST 1003:2024: Sustainable Forest Management – Requirements.

- Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia VFCS/PEFC ST 1003:2019.

- Bộ tiêu chí quản lý rừng bền vững của Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT.

- Quy định về sản xuất không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR)

+ Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững quốc tế của FSC áp dụng cho Việt Nam: FSC – STD-VN-01-2018.

### **2.2 Giải thích chi tiết các quy định trong tiêu chuẩn**

Một số căn cứ làm cơ sở quy định trong nội dung dự thảo TCVN như sau:

| Stt | Phần                    | Nội dung                                                                                                                                                                        | Căn cứ                                              |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Tên tiêu chuẩn          | Quản lý rừng bền vững – Yêu cầu chung                                                                                                                                           | Theo đề cương dự án xây dựng TCVN đã được phê duyệt |
| 2   | Phạm vi áp dụng         | Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu các yêu cầu chung về quản lý rừng bền vững tại Việt Nam để được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia. |                                                     |
| 3   | Thuật ngữ và định nghĩa | An toàn lao động                                                                                                                                                                | Luật an toàn, vệ sinh lao động 2015                 |
|     |                         | Bảo tồn đa dạng sinh học                                                                                                                                                        | Luật đa dạng sinh học 2008                          |
|     |                         | Biện pháp lâm sinh                                                                                                                                                              | Luật Lâm nghiệp 2017                                |
|     |                         | Bên liên quan                                                                                                                                                                   | Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2018                        |
|     |                         | Cây nông nghiệp, công nghiệp lâu năm                                                                                                                                            | Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2018                        |
|     |                         | Cây ngoài rừng                                                                                                                                                                  | PEFC ST 1003:2024,                                  |
|     |                         | Chất thải nguy hại                                                                                                                                                              | Luật Bảo vệ môi trường 2020                         |
|     |                         | Chủ rừng                                                                                                                                                                        | Luật Lâm nghiệp 2017                                |
|     |                         | Chuyển đổi rừng sang sản xuất nông nghiệp                                                                                                                                       | PEFC ST 1003:2024,                                  |
|     |                         | Chuyển đổi rừng sang các loại sử dụng đất khác                                                                                                                                  | PEFC ST 1003:2024                                   |
|     |                         | Chuyển đổi rừng tự nhiên                                                                                                                                                        | PEFC ST 1003:2024                                   |
|     |                         | Cộng đồng dân cư                                                                                                                                                                | Luật Lâm nghiệp 2017                                |
|     |                         | Công trình hạ tầng kỹ thuật                                                                                                                                                     | Phụ lục I Nghị định 06/2021/NĐ-CP                   |
|     |                         | Cường bức lao động                                                                                                                                                              | Bộ luật Lao động 2019                               |
|     |                         | Điều ước quốc tế                                                                                                                                                                | Luật Điều ước Quốc tế 2016                          |
|     |                         | Hành động khắc phục                                                                                                                                                             | TCVN ISO 9000:2015                                  |
|     |                         | Hệ sinh thái                                                                                                                                                                    | Luật Đa dạng sinh học 2008                          |
|     |                         | Hệ sinh thái không phải rừng                                                                                                                                                    | Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2024                        |
|     |                         | Hệ thống quản lý                                                                                                                                                                | TCVN ISO 9000:2015                                  |

| Stt | Phần                                  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Căn cứ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                       | Hóa chất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Luật Hóa chất 2007                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |                                       | Hoạt động lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Khu rừng có tầm quan trọng về sinh thái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | PEFC ST 1003:2018, 3.7                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                                       | Lâm sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Lâm sản ngoài gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | PEFC ST 1003:2018, 3.24                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Lâm sản ngoài gỗ từ cây trồng phân tán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | PEFC ST 1003:2024, 3.25                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Lập địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Sổ tay hướng dẫn thực hiện QLRBV (Tổng cục Lâm nghiệp, 2018)                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|     |                                       | Người lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ luật Lao động 2019                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|     |                                       | Người sử dụng lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Bộ luật Lao động 2019                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|     |                                       | Nguồn gen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Luật đa dạng sinh học 2008                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                                       | Quản lý chất thải nguy hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Luật bảo vệ môi trường năm 2014                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|     |                                       | Quản lý lập địa rừng trồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Nambiar và Brown, 1997; Sổ tay hướng dẫn thực hiện quản lý rừng bền vững (Tổng cục Lâm nghiệp, 2018)                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Quản lý rừng bền vững (QLRBV)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Rừng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Rừng bị suy thoái                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | PEFC ST 1003:2024, 3.6                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                                       | Rừng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | PEFC ST 1003:2024, 3.30                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Rừng sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Rừng tái sinh tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | PEFC ST 1003:2024, 3.22                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Rừng trồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Luật Lâm nghiệp 2017, 3.29                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                                       | Rừng trồng sản xuất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | PEFC ST 1003:2024, 3.28                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Rừng tự nhiên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Luật Lâm nghiệp 2017                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|     |                                       | Sản xuất nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | PEFC ST 1003:2024, 3.4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|     |                                       | Sinh kế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | DFIT, 1999                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|     |                                       | Suy thoái rừng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | PEFC ST 1003:2024, 3.13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|     |                                       | Sự không phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TCVN ISO 9000:2015 (ISO 9000:2015)                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |                                       | Tập quán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ luật Dân sự 2015, khoản 1 Điều 5                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|     |                                       | Tín ngưỡng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     |                                       | Tranh chấp đất đai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Luật đất đai 2013                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|     |                                       | Vùng đất ngập nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Nghị định 66/2019/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 4   | Yêu cầu đối với quản lý rừng bền vững | <p>Gồm các nội dung chính như sau:</p> <p>4.1 Tuân thủ các quy định pháp luật và các điều ước, hiệp ước quốc tế mà Việt Nam tham gia</p> <p>4.2 Chủ rừng tôn trọng quyền của cộng đồng dân cư và người dân địa phương</p> <p>4.3 Chủ rừng đảm bảo quyền và điều kiện làm việc của người lao động</p> <p>4.4 Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng</p> | <p>Tiêu chuẩn này được biên soạn dựa vào quy định pháp luật của Việt Nam (Luật Lâm nghiệp 2017 và các thông tư hướng dẫn, quy định liên quan đến quản lý rừng bền vững như Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT, Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT...) và tham khảo tiêu chuẩn quản lý rừng của Tổ chức chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC)</p> |

| Stt | Phần                           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                         | Căn cứ                                                                           |
|-----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                | 4.5 Quản lý và bảo vệ môi trường trong các hoạt động lâm nghiệp<br>4.6 Duy trì, bảo tồn và nâng cao đa dạng sinh học<br>4.7 Giám sát, đánh giá thực hiện phương án quản lý rừng bền vững                                                                         | và Quy định về sản xuất hàng hóa không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR) |
| 5   | Yêu cầu đối với cây ngoài rừng | Cây phân tán được trồng với mục đích kinh tế, hoặc kinh tế kết hợp bảo vệ môi trường đảm bảo mật độ tối thiểu là 150 cây trên 1 ha. Các yêu cầu đối với cây trồng phân tán để được chứng nhận theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được quy định tại Phụ lục A. | Tham khảo Phụ lục B của Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2024                             |
| 6   | Phụ lục A (quy định)           | Diễn giải yêu cầu đối với cây ngoài rừng                                                                                                                                                                                                                         | Tham khảo Phụ lục B của Tiêu chuẩn PEFC ST 1003:2024                             |

### 3. Nêu tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu chung về quản lý rừng bền vững tại Việt Nam để được cấp chứng nhận quản lý rừng bền vững theo Hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia.

Tiêu chuẩn này được xây dựng dựa theo quy định của pháp luật Việt Nam, tham khảo một số tiêu chuẩn liên quan của Tổ chức Chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC) và chỉnh sửa định nghĩa các thuật ngữ cho phù hợp và rõ nghĩa hơn so với các tiêu chuẩn đã ban hành, các phương pháp xác định phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam.

### 4. Mối liên quan của dự thảo tiêu chuẩn với các tiêu chuẩn trong và ngoài nước cũng như các quy định hiện hành, thông báo mức độ phù hợp của dự thảo tiêu chuẩn với những văn bản đó

Tiêu chuẩn này đã cập nhật các quy định về quản lý rừng bền vững tại các thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT và 13/2023/TT-BNNPTNT, tiêu chuẩn quản lý rừng của Tổ chức Chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC).

Tiêu chuẩn này cũng tích hợp các yêu cầu để thích ứng với Quy định sản xuất hàng hóa không gây mất rừng của EU (EUDR).

### 5. Các dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế tiêu chuẩn có liên quan với dự thảo tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn quốc gia “Quản lý rừng bền vững – Yêu cầu chung” được xây dựng mới dựa trên các tài liệu khoa học đủ độ tin cậy. Không sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành./

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025

**Trưởng Ban soạn thảo**



**Vũ Tấn Phương**

**Tổ chức chủ trì biên soạn**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Hoàng Liệp*